

## **Công ty Cổ phần Siêu Thanh**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020



# Công ty Cổ phần Siêu Thanh

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	9 - 24



# Công ty Cổ phần Siêu Thanh

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Siêu Thanh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0302563707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2002, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 169/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 10 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là bảo trì thiết bị văn phòng, máy photocopy, vật tư ngành in và phụ tùng, máy fax, quản lý các khoản đầu tư vào công ty con và kinh doanh bất động sản đầu tư.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số A20 Tân Phong, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Yung Cam Meng	Chủ tịch
Ông David Cam Hao Ong	Phó Chủ tịch
Bà Đinh Thị Hồng Vân	Thành viên
Bà Phạm Thị Thu Thủy	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Cái Kim Thoa	Trưởng ban
Ông Nguyễn Lê Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Hồ Thanh Huy	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Vĩnh Phú	Tổng Giám đốc
Ông David Cam Hao Ong	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đinh Thị Hồng Vân	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Yung Cam Meng.

Ông Phạm Vĩnh Phú được Ông Yung Cam Meng ủy quyền để ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 theo Thư ủy quyền số 44/UQ-ST8 ngày 8 tháng 8 năm 2019.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

125  
CÔNG  
CỔ  
SIÊU  
THANH  
QUẬN 7

# Công ty Cổ phần Siêu Thanh

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Siêu Thanh ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Phạm Vĩnh Phú  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2020

Số tham chiếu: 61194318/21931778/LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Siêu Thanh**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm theo của Công ty Cổ phần Siêu Thanh ("Công ty"), được lập ngày 25 tháng 8 năm 2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 24, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Trần Nam Dũng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 3021-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>70.623.210.776</b>	<b>67.884.592.694</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>31.170.964.666</b>	<b>40.014.586.540</b>
111	1. Tiền		489.145.615	891.230.262
112	2. Các khoản tương đương tiền		30.681.819.051	39.123.356.278
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>18.580.843.523</b>	<b>13.658.808.389</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	18.580.843.523	13.658.808.389
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>20.555.368.652</b>	<b>13.984.391.383</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn khách hàng		16.500.000	143.666.000
135	2. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	9.480.000.000	3.880.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	11.058.868.652	9.960.725.383
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>316.033.935</b>	<b>226.806.382</b>
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	316.033.935	226.806.382
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>214.604.952.409</b>	<b>218.788.717.911</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>647.985.000</b>	<b>690.018.672</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	647.985.000	690.018.672
<b>230</b>	<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>8</b>	<b>56.258.391.611</b>	<b>57.322.423.613</b>
231	1. Nguyên giá		77.469.580.978	77.469.580.978
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(21.211.189.367)	(20.147.157.365)
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>9</b>	<b>157.698.575.798</b>	<b>160.776.275.626</b>
251	1. Đầu tư vào các công ty con		156.395.730.000	156.395.730.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.500.000.000	4.500.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.197.154.202)	(119.454.374)
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>285.228.163.185</b>	<b>286.673.310.605</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>17.768.594.426</b>	<b>6.835.874.101</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>16.684.823.426</b>	<b>5.752.103.101</b>
313	1. Phải trả người bán ngắn hạn		-	65.000.000
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	57.979.296	538.619.353
315	3. Phải trả người lao động		-	242.090.618
318	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		15.000.000	15.000.000
319	5. Doanh thu chưa thực hiện		-	1.140.000.000
322	6. Phải trả ngắn hạn khác	11	12.947.451.407	87.000.407
	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.664.392.723	3.664.392.723
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.083.771.000</b>	<b>1.083.771.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	11	1.083.771.000	1.083.771.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>267.459.568.759</b>	<b>279.837.436.504</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>12.1</b>	<b>267.459.568.759</b>	<b>279.837.436.504</b>
411	1. Vốn cổ phần		257.209.020.000	257.209.020.000
	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		257.209.020.000	257.209.020.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		10.250.548.759	22.628.416.504
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		9.767.965.504	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		482.583.255	22.628.416.504
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>285.228.163.185</b>	<b>286.673.310.605</b>

  
Vũ Thùy Minh Yên  
Người lập

  
Đinh Thị Hồng Vân  
Kế toán trưởng

  
Phạm Vinh Phú  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2020



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
10	1. Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	13.1	3.598.559.999	4.517.045.456
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	14	1.064.032.002	1.144.024.002
20	3. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		2.534.527.997	3.373.021.454
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	13.2	2.721.669.062	12.137.980.671
22	5. Chi phí tài chính	15	3.077.699.828	(1.912.161.119)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	16	1.695.913.976	1.836.173.426
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		482.583.255	15.586.989.818
50	8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		482.583.255	15.586.989.818
51	9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	18.1	-	1.108.355.112
60	10. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		482.583.255	14.478.634.706

  
Vũ Thùy Minh Yến  
Người lập

  
Đinh Thị Hồng Vân  
Kế toán trưởng

  
Phạm Vĩnh Nhu  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		<b>482.583.255</b>	<b>15.586.989.818</b>
	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao	8	1.064.032.002	1.144.024.002
03	Trích lập dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		3.077.699.828	(1.912.161.119)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(2.719.990.784)	(12.120.825.368)
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>1.904.324.301</b>	<b>2.698.027.333</b>
09	Giảm các khoản phải thu		79.972.119	110.160.584
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(1.418.576.501)	656.136.494
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	10	(509.154.174)	(495.529.086)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>56.565.745</b>	<b>2.968.795.325</b>
	<b>II. LƯU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn		(28.539.148.213)	(9.849.887.244)
24	Tiền thu hồi từ cho vay		18.017.113.079	25.493.664.376
25	Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác		-	(19.083.730.000)
27	Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức		1.621.847.515	11.480.544.912
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(8.900.187.619)</b>	<b>8.040.592.044</b>
	<b>III. LƯU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
36	Cổ tức đã trả	12.2	-	(25.719.132.150)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>-</b>	<b>(25.719.132.150)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(8.843.621.874)</b>	<b>(14.709.744.781)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>40.014.586.540</b>	<b>50.319.105.563</b>
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>4</b>	<b>31.170.964.666</b>	<b>35.609.360.782</b>

  
Vũ Thùy Minh Yến  
Người lập

  
Đinh Thị Hồng Vân  
Kế toán trưởng

  
  
Phạm Vĩnh Phú  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Siêu Thanh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0302563707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2002, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 169/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 10 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bảo trì thiết bị văn phòng, máy photocopy, vật tư ngành in và phụ tùng, máy fax, quản lý các khoản đầu tư vào công ty con và kinh doanh bất động sản đầu tư.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số A20 Tân Phong, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 11 (31 tháng 12 năm 2019: 7).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Mục đích trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 9. Công ty lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

### 2.2 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.3 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất	46 năm
Nhà cửa	25 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.5 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào các công ty con*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.6 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.7 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

**3.9 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**3.10 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ này và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)*

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.11 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Tiền mặt	1.838	1.838
Tiền gửi ngân hàng	489.143.777	891.228.424
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>30.681.819.051</u>	<u>39.123.356.278</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>31.170.964.666</u></b>	<b><u>40.014.586.540</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 4,0% đến 5,5% một năm.

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đây là khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc là sáu (6) tháng và hưởng lãi suất từ 6,8% đến 7,9% một năm.

**6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Bên liên quan (Thuyết minh số 19)	9.480.000.000	3.700.000.000
Nhân viên	-	180.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>9.480.000.000</u></b>	<b><u>3.880.000.000</u></b>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>Ngắn hạn</b>	<b>11.058.868.652</b>	<b>9.960.725.383</b>
Cổ tức phải thu	10.450.000.000	9.400.000.000
Phải thu khác	608.868.652	560.725.383
<b>Dài hạn</b>	<b>647.985.000</b>	<b>690.018.672</b>
Ký quỹ, ký cược	647.985.000	690.018.672
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>11.706.853.652</u></b>	<b><u>10.650.744.055</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 19)</i>	<i>10.629.215.046</i>	<i>9.430.969.867</i>
<i>Phải thu từ bên khác</i>	<i>1.077.638.606</i>	<i>1.219.774.188</i>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**8. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	VND		
	Nhà cửa	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2020	27.782.120.978	49.687.460.000	77.469.580.978
<i>Trong đó:</i>			
Đã hao mòn hết	1.461.421.000	-	1.461.421.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	(11.545.269.365)	(8.601.888.000)	(20.147.157.365)
Hao mòn trong kỳ	(526.414.002)	(537.618.000)	(1.064.032.002)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	(12.071.683.367)	(9.139.506.000)	(21.211.189.367)
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	16.236.851.613	41.085.572.000	57.322.423.613
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	15.710.437.611	40.547.954.000	56.258.391.611

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê thực tế, Ban Tổng Giám Đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản doanh thu liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày trong Thuyết minh số 13.1.

**9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
	Cổ phiếu	VND	Cổ phiếu	VND
Đầu tư vào các công ty con (i)		156.395.730.000		156.395.730.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.500.000.000		4.500.000.000
<i>Trong đó:</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	450.000	4.500.000.000	450.000	4.500.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.197.154.202)		(119.454.374)
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>157.698.575.798</b>		<b>160.776.275.626</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

(i) Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty con	Ngày 30 tháng 6 năm 2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
	Vốn đầu tư VND	% sở hữu	Vốn đầu tư VND	% sở hữu
Công ty Cổ phần Thiết bị Văn phòng Siêu Thanh	79.200.000.000	90,00	79.200.000.000	90,00
Công ty Cổ phần Ô tô Kim Thanh	37.879.850.000	55,06	37.879.850.000	55,06
Công ty Cổ phần Ô tô Cường Thanh	32.315.880.000	58,23	32.315.880.000	58,23
Công ty Cổ phần Nam Thanh Sài Gòn	7.000.000.000	70,00	7.000.000.000	70,00
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>156.395.730.000</b>		<b>156.395.730.000</b>	

Công ty Cổ phần Thiết bị Văn phòng Siêu Thanh ("TBVP Siêu Thanh"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0312992783 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 10 năm 2014 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của TBVP Siêu Thanh là mua bán thiết bị văn phòng, máy fax, máy photocopy, vật tư và phụ tùng ngành in.

Công ty Cổ phần Ô tô Kim Thanh ("Ô tô Kim Thanh"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103010901 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Ô tô Kim Thanh là đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; mua bán, sửa chữa, bảo hành, bảo trì xe ô tô; đại lý mua bán linh kiện, phụ tùng xe ô tô.

Công ty Cổ phần Ô tô Cường Thanh ("Ô tô Cường Thanh"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0305273107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 10 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Ô tô Cường Thanh là đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; mua bán, sửa chữa, bảo hành, bảo trì xe; đại lý mua bán linh kiện, phụ tùng xe.

Công ty Cổ phần Nam Thanh Sài Gòn ("Nam Thanh Sài Gòn") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313525196 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 11 năm 2015, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Nam Thanh Sài Gòn là kinh doanh và lắp đặt máy điều hòa không khí, các sản phẩm điện lạnh, thang máy và máy phát điện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

				VND
	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Tăng	Giảm	Ngày 30 tháng 6 năm 2020
<b>Phải nộp</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	475.328.362	-	(475.328.362)	-
Thuế giá trị gia tăng	63.290.991	399.504.722	(404.816.417)	57.979.296
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>538.619.353</b>	<b>399.504.722</b>	<b>(880.144.779)</b>	<b>57.979.296</b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	226.806.382	192.654.550	(137.252.809)	282.208.123
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	33.825.812	-	33.825.812
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>226.806.382</b>	<b>226.480.362</b>	<b>(137.252.809)</b>	<b>316.033.935</b>

**11. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>Ngắn hạn</b>	<b>12.947.451.407</b>	<b>87.000.407</b>
Cổ tức phải trả	12.884.300.350	23.849.350
Thu hộ	33.151.057	33.151.057
Nhận ký quỹ, ký cược	30.000.000	30.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>1.083.771.000</b>	<b>1.083.771.000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	1.083.771.000	1.083.771.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.031.222.407</b>	<b>1.170.771.407</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**12.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	VND		
	Vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	257.209.020.000	24.698.767.266	281.907.787.266
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	14.478.634.706	14.478.634.706
Cổ tức đã công bố	-	(25.720.902.000)	(25.720.902.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	<u>257.209.020.000</u>	<u>13.456.499.972</u>	<u>270.665.519.972</u>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	257.209.020.000	22.628.416.504	279.837.436.504
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	482.583.255	482.583.255
Cổ tức đã công bố (*)	-	(12.860.451.000)	(12.860.451.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>257.209.020.000</u>	<u>10.250.548.759</u>	<u>267.459.568.759</u>

(\*) Trong kỳ, Công ty đã công bố trả cổ tức với giá trị là 12.860.451.000 VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty cho các cổ đông hiện hữu của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 49/NQ-ĐHĐCĐ/ST8 ngày 18 tháng 6 năm 2020 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 50/QĐ-HĐQT/ST8 ngày 23 tháng 6 năm 2020.

**12.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
<b>Vốn cổ phần</b>		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>257.209.020.000</u>	<u>257.209.020.000</u>
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức đã công bố	12.860.451.000	25.720.902.000
Cổ tức đã trả	-	25.719.132.150

**12.3 Cổ phiếu**

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	25.720.902	25.720.902
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	25.720.902	25.720.902
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	25.720.902	25.720.902

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. DOANH THU**

**13.1 Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
		VND
Doanh thu hoạt động cho thuê	3.467.954.544	4.455.909.092
Doanh thu cung cấp dịch vụ	<u>130.605.455</u>	<u>61.136.364</u>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>3.598.559.999</u></b>	<b><u>4.517.045.456</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	2.296.741.819	2.564.318.186
<i>Các bên liên quan</i>	1.301.818.180	1.952.727.270

**13.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
		VND
Cổ tức	1.050.000.000	10.159.600.000
Lãi cho vay và lãi tiền gửi	1.669.990.784	1.961.225.368
Khác	<u>1.678.278</u>	<u>17.155.303</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.721.669.062</u></b>	<b><u>12.137.980.671</u></b>

**14. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
		VND
Giá vốn cho thuê	<u>1.064.032.002</u>	<u>1.144.024.002</u>

**15. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
		VND
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) giảm giá đầu tư công ty con	<u>3.077.699.828</u>	<u>(1.912.161.119)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Chi phí nhân viên	1.169.573.355	1.271.267.178
Chi phí dịch vụ mua ngoài	243.523.250	292.745.690
Khác	282.817.371	272.160.558
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.695.913.976</u></b>	<b><u>1.836.173.426</u></b>

**17. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Chi phí nhân viên	1.169.573.355	1.271.267.178
Chi phí hao mòn ( <i>Thuyết minh số 8</i> )	1.064.032.002	1.144.024.002
Chi phí dịch vụ mua ngoài	243.523.250	292.745.690
Khác	282.817.371	272.160.558
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.759.945.978</u></b>	<b><u>2.980.197.428</u></b>

**18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**18.1 Chi phí thuế TNDN**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>482.583.255</b>	<b>15.586.989.818</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	96.516.651	3.117.397.964
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Cổ tức	(210.000.000)	(2.031.920.000)
Chi phí không được trừ	44.400.000	22.877.148
Lỗ thuế trong kỳ	69.083.349	-
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>-</b>	<b>1.108.355.112</b>

**18.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

**19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan*

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ cho vay, cho thuê và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty có liên quan trong kỳ được trình bày như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
TBVP Siêu Thanh	Công ty con	Cho vay	4.900.000.000	5.000.000.000
		Thu hồi cho vay	3.500.000.000	4.000.000.000
		Lãi cho vay	74.794.493	14.917.824
		Cổ tức	-	2.000.000.000
Ô tô Kim Thanh	Công ty con	Góp vốn	-	9.359.850.000
		Cổ tức	-	4.278.000.000
Ô tô Cường Thanh	Công ty con	Cho thuê văn phòng	1.301.818.180	1.952.727.270
		Góp vốn	-	9.723.880.000
		Thu hồi cho vay	-	5.000.000.000
		Cổ tức	-	2.936.960.000
		Lãi cho vay	-	11.506.849
Nam Thanh Sài Gòn	Công ty con	Cho vay	8.080.000.000	13.396.000.000
		Thu hồi cho vay	3.700.000.000	13.396.000.000
		Cổ tức	1.050.000.000	-
		Lãi cho vay	164.861.645	79.602.749

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ như sau:

	<i>VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Lương và các lợi ích khác	<u>802.000.000</u>	<u>1.038.000.000</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu với bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
<b><i>Phải thu cho vay ngắn hạn</i></b>				
Nam Thanh Sài Gòn	Công ty con	Cho vay	8.080.000.000	3.700.000.000
TBVP Siêu Thanh	Công ty con	Cho vay	1.400.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>9.480.000.000</u></b>	<b><u>3.700.000.000</u></b>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác</i></b>				
TBVP Siêu Thanh	Công ty con	Cổ tức phải thu	9.400.000.000	9.400.000.000
Nam Thanh Sài Gòn	Công ty con	Cổ tức phải thu	1.050.000.000	-
TBVP Siêu Thanh	Công ty con	Lãi cho vay	27.328.745	-
Nam Thanh Sài Gòn	Công ty con	Lãi cho vay	151.886.301	30.969.867
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>10.629.215.046</u></b>	<b><u>9.430.969.867</u></b>

**20. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Dưới 1 năm	4.094.100.000	4.094.100.000
Từ 1 đến 5 năm	7.847.025.000	9.894.075.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>11.941.125.000</u></b>	<b><u>13.988.175.000</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

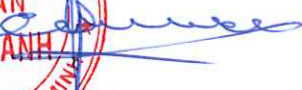
Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



\_\_\_\_\_  
Vũ Thùy Minh Yến  
Người lập



\_\_\_\_\_  
Đinh Thị Hồng Vân  
Kế toán trưởng

  
\_\_\_\_\_  
Phạm Vĩnh Phú  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2020

Số: 63 /BCTC/ST  
V/v Giải trình biến động kết quả kinh doanh  
trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ  
giữa niên độ đã kiểm toán

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2020

**Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh**  
**Ủy ban chứng khoán nhà nước**

**Tổ chức niêm yết:** Công ty Cổ phần Siêu Thanh

**Mã chứng khoán:** ST8

**Trụ sở chính:** A20 Tân Phong, Nguyễn Hữu Thọ, P. Tân Phong, Q. 7, TP. HCM

**Điện thoại:** (028) 6262.6688 **Fax:** (028) 6262.6777

Lợi nhuận sau thuế TNDN 06 tháng đầu năm 2020 giảm 14 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2019 tương đương tỷ lệ giảm 96,69%. Dưới đây là biến động tăng giảm của các chỉ tiêu :

Đơn vị tính : tỷ đồng

STT	Tên khoản mục	Năm 2020	Năm 2019	Giá trị (tăng/giảm)	Tỷ lệ (tăng/giảm %)
1	Doanh thu thuần	3,60	4,52	(0,92)	(20,35)
2	Giá vốn	1,06	1,14	(0,08)	(7,02)
3	Lợi nhuận gộp	2,53	3,37	(0,84)	(24,93)
4	Doanh thu tài chính	2,72	12,14	(9,42)	(77,59)
5	Chi phí tài chính	3,08	(1,91)	4,99	261,26
6	Chi phí QLDN	1,70	1,84	(0,14)	(7,61)
7	Lợi nhuận từ HĐKD	0,48	15,59	(15,11)	(96,92)
8	Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	0,48	15,59	(15,11)	(96,92)
9	Chi phí thuế TNDN	0	1,11	(1,11)	(100,00)
10	Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	0,48	14,48	(14,00)	(96,69)

- Tình hình dịch Covid – 19 kéo dài làm cho doanh thu 06 tháng đầu năm 2020 bị giảm 920 triệu đồng, tương đương tỷ lệ giảm 20,35% so với cùng kỳ năm 2019, dẫn đến lợi nhuận gộp giảm 840 triệu đồng, tương đương tỷ lệ giảm 24,93%.
- Chỉ nhận được cổ tức từ Công ty CP Nam Thanh Sài Gòn là 1,05 tỷ, không nhận được cổ tức từ các công ty con còn lại, làm cho doanh thu tài chính giảm 9,42 tỷ đồng, tương đương tỷ lệ giảm 77,59%
- Chi phí tài chính tăng 4,99 tỷ đồng, tương đương tỷ lệ tăng 261,26% chủ yếu là do trích dự phòng tài chính cho các công ty con bị lỗ là Công ty Ô Tô Kim Thanh và Ô Tô Cường Thanh.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH  
TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM VĂN PHÚ